HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2026/NQ-HĐND **(Dự thảo)**	*Hải Phòng, ngày tháng năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi, xây dựng các khu công nghiệp sinh thái trên địa bàn thành phố Hải Phòng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ …

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 06 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 77/2025/QH15 ngày 18 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố; Báo cáo thẩm tra số ……/BC-BKTNS ngày tháng năm 2026 của

Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Nghị quyết ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi, xây dựng các khu công nghiệp sinh thái trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định đối tượng, nguyên tắc, điều kiện, nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách thành phố và việc áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát nhằm thúc đẩy chuyển đổi các khu công nghiệp (sau đây viết tắt là KCN) hiện hữu và xây dựng mới các KCN theo mô hình khu công nghiệp sinh thái (sau đây gọi là KCN sinh thái) trên địa bàn thành phố Hải Phòng; thời gian áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN (sau đây gọi là chủ đầu tư hạ tầng KCN) trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Doanh nghiệp thuê lại đất, thuê nhà xưởng đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trong các KCN trên địa bàn thành phố Hải Phòng (sau đây gọi là doanh nghiệp thứ cấp).

3. Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức tín dụng, Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hải Phòng và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, triển khai thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc và điều kiện hỗ trợ

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng nội dung; việc hỗ trợ được thực hiện sau khi nội dung đề nghị hỗ trợ đã hoàn thành và được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu, xác nhận theo quy định;

b) Cùng một nội dung, nếu đối tượng được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thì chỉ được lựa chọn hưởng một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất; không hỗ trợ trùng lặp;

c) Không hỗ trợ chi phí thực hiện các nghĩa vụ bắt buộc của tổ chức theo quy định của pháp luật, bao gồm: kiểm toán năng lượng định kỳ của cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm; kiểm kê khí nhà kính của cơ sở thuộc danh mục phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính;

d) Mức hỗ trợ thực hiện trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao hằng năm; trường hợp nhu cầu hỗ trợ vượt dự toán được giao thì xét hỗ trợ theo thứ tự thời gian nộp hồ sơ hợp lệ;

đ) Kết quả xác định KCN sinh thái, doanh nghiệp sinh thái, liên kết cộng sinh công nghiệp thực hiện theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP và Thông tư số 05/2025/TT-BKHĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xây dựng khu công nghiệp sinh thái.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Đối với chủ đầu tư hạ tầng KCN: KCN đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư; có văn bản đăng ký kế hoạch chuyển đổi hoặc xây dựng mới KCN sinh thái gửi Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

b) Đối với doanh nghiệp thứ cấp: đang hoạt động trong KCN thuộc phạm vi triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi, xây dựng khu công nghiệp sinh thái theo Đề án; có văn bản đăng ký hoặc kế hoạch thực hiện các giải pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên, sản xuất sạch hơn, cộng sinh công nghiệp hoặc các hoạt động khác phù hợp với nội dung chính sách hỗ trợ;

c) Tại thời điểm đề nghị hỗ trợ, không đang trong thời gian bị đình chỉ hoạt động hoặc chưa chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

d) Có hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 4. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ kỹ thuật, đánh giá và lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái

a) Hỗ trợ kinh phí cho chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp thực hiện đánh giá mức độ sẵn sàng chuyển đổi khu công nghiệp sinh thái; xác định mức độ đáp ứng các tiêu chí khu công nghiệp sinh thái; xây dựng đường cơ sở, kế hoạch hành động chuyển đổi; kiểm toán năng lượng, kiểm toán nước; đánh giá hiệu quả sử dụng tài nguyên và áp dụng sản xuất sạch hơn; kiểm kê khí nhà kính và lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái theo quy định, trừ các nội dung thuộc nghĩa vụ bắt buộc quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này. Tỷ lệ, mức hỗ trợ tối đa và số lần hỗ trợ thực hiện theo phương án kinh phí được cấp có thẩm quyền quyết định.;

b) Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp thứ cấp thực hiện các hoạt động đánh giá hiệu quả sử dụng tài nguyên, năng lượng, nước; áp dụng sản xuất sạch hơn; kiểm kê khí nhà kính và chuẩn bị hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái theo quy định, trừ các nội dung thuộc nghĩa vụ bắt buộc quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này. Tỷ lệ, mức hỗ trợ tối đa và số lần hỗ trợ thực hiện theo phương án kinh phí được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Hỗ trợ lãi suất vốn vay đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật dùng chung phục vụ cộng sinh công nghiệp và kinh tế tuần hoàn trong KCN:

a) Hỗ trợ lãi suất 2,0%/năm tính trên dư nợ vay thực tế đối với các khoản vay trung và dài hạn bằng đồng Việt Nam tại Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hải Phòng để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ cộng sinh công nghiệp và kinh tế tuần hoàn trong khu công nghiệp, bao gồm: công trình xử lý, tái sử dụng nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu chất lượng theo mục đích sử dụng; hệ thống lưu trữ năng lượng (BESS); hệ thống đường ống kỹ thuật dùng chung và trạm trung chuyển phụ phẩm công nghiệp phục vụ tái sử dụng, tái chế;

b) Thời gian hỗ trợ tối đa không quá 03 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên theo hợp đồng tín dụng; tổng mức hỗ trợ đối với mỗi dự án không vượt quá 1,0 tỷ đồng; không hỗ trợ lãi suất đối với khoản nợ quá hạn, khoản nợ được gia hạn hoặc cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

3. Hỗ trợ thúc đẩy kết nối, hợp tác và cộng sinh công nghiệp

a) Hỗ trợ kỹ thuật trong việc khảo sát, đánh giá, nhận diện và sàng lọc các cơ hội cộng sinh công nghiệp; tư vấn giải pháp kỹ thuật, hướng dẫn pháp lý; hỗ trợ xây dựng phương án hợp tác, thỏa thuận nguyên tắc, hợp đồng mua bán, phân phối và phương án dự phòng nhằm thúc đẩy hình thành, triển khai các liên kết cộng sinh công nghiệp giữa các doanh nghiệp trong khu công nghiệp và giữa các khu công nghiệp;

b) Hỗ trợ kết nối cung – cầu về nguyên liệu, vật liệu, nước, năng lượng, hạ tầng, vận tải và dịch vụ thông qua các hoạt động kết nối doanh nghiệp, diễn đàn trao đổi theo ngành và nền tảng thông tin kết nối cộng sinh công nghiệp. Việc trao đổi, chuyển giao và tái sử dụng phụ phẩm, chất thải phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan.

4. Áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị quyết số 226/2025/QH15

a) Nghiên cứu, xây dựng phương án đề xuất áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới trong khu công nghiệp thuộc phạm vi quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị quyết số 226/2025/QH15, bao gồm các mô hình trao đổi, cung cấp nước công nghiệp sau xử lý để tái sử dụng; chia sẻ, giao dịch năng lượng từ nguồn điện tự sản xuất, tự tiêu thụ trong nội bộ khu công nghiệp và các mô hình trao đổi, tái sử dụng phụ phẩm công nghiệp. Việc xem xét, triển khai thử nghiệm phải đáp ứng các điều kiện về pháp lý, kỹ thuật, an toàn, bảo vệ môi trường và chỉ được thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép theo quy định;

b) Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc thử nghiệm có kiểm soát; quy định tiêu chí, điều kiện lựa chọn và trình tự, thủ tục đăng ký, thẩm định, cấp phép thực hiện thử nghiệm. Thời hạn thử nghiệm thực hiện theo điểm b khoản 5

Điều 7 Nghị quyết số 226/2025/QH15 và không vượt quá thời gian thực hiện thí điểm theo Nghị quyết số 226/2025/QH15;

c) Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định phạm vi miễn áp dụng các quy định của pháp luật đối với từng dự án thử nghiệm cụ thể theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố trên cơ sở đánh giá mức độ rủi ro và khả năng kiểm soát.

Điều 5. Nguồn kinh phí

1. Tổng kinh phí dự kiến thực hiện các cơ chế, chính sách và nhiệm vụ theo Đề án giai đoạn 2026-2030 là **127,55 tỷ đồng** (Một trăm hai mươi bảy tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng), trong đó:

a) Kinh phí từ ngân sách nhà nước: **103,60 tỷ đồng**;

b) Kinh phí huy động từ vốn doanh nghiệp, tín dụng, viện trợ, tài trợ, hợp tác quốc tế và các nguồn vốn hợp pháp khác: **23,95 tỷ đồng**.

2. Kinh phí dự kiến từ ngân sách nhà nước được phân bổ theo các nhóm nhiệm vụ như sau:

a) Hỗ trợ kỹ thuật, đánh giá và công nghệ: **80,0 tỷ đồng**;

b) Hỗ trợ lãi suất vốn vay đầu tư hạ tầng kỹ thuật dùng chung: **4,0 tỷ đồng**;

c) Hỗ trợ thúc đẩy kết nối, hợp tác và cộng sinh công nghiệp: **2,0 tỷ đồng**;

d) Kinh phí triển khai các nhiệm vụ khác về phối hợp thủ tục đầu tư, hành chính và hải quan; hạ tầng và dữ liệu dùng chung; nghiên cứu, đề xuất cơ chế thử nghiệm có kiểm soát; đào tạo và nâng cao năng lực quản lý, vận hành khu công nghiệp sinh thái: **17,6 tỷ đồng**.

3. Kinh phí thực hiện từ ngân sách thành phố được bố trí theo phân cấp quản lý ngân sách, phù hợp với tính chất từng nhiệm vụ, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao hằng năm. Việc quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Đối với các nội dung có tính chất dự án đầu tư, việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư và bố trí vốn thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công. Các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước được huy động, quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật; quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục, hình thức hỗ trợ; phân công cơ quan tiếp nhận, thẩm định, quyết định hỗ trợ, thanh

toán và quyết toán kinh phí; Chỉ đạo các sở, ngành và cơ quan có liên quan tăng cường phối hợp, hướng dẫn và tạo thuận lợi trong giải quyết thủ tục đầu tư, hành chính và hải quan theo đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và quy định pháp luật; tổ chức nghiên cứu, đề xuất các cơ chế thử nghiệm có kiểm soát theo quy định tại Nghị quyết số 226/2025/QH15; Hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố về kết quả thực hiện Nghị quyết; tổ chức sơ kết, tổng kết và đánh giá hiệu quả các chính sách trước khi kết thúc thời gian áp dụng.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khóa XVII, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày tháng năm 2026 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Công Thương, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế các Bộ: Tài chính, Công Thương;
- Kiểm toán nhà nước khu vực VI;
- Thường trực Thành ủy; Thường trực HĐND, UBND thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố Hải Phòng;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố, đại biểu HĐND thành phố;
- Văn phòng Thành ủy, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố, Văn phòng UBND thành phố;
- Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;
- Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu có liên quan;
- Công báo thành phố, Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu